

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 229/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1987; thường trú: Xóm 13, xã Q, huyện X, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Phòng 11, KDC Phúc Đạt, Tổ 5, khu phố Ông Đông, phường G, thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Ông Trịnh Xuân T, sinh năm 1983; thường trú: Xóm 13, xã Q, huyện X, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Nhà trọ L, khu phố 2, phường Hội Nghĩa, thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1987; thường trú: Xóm 13, xã Q, huyện X, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Phòng 11, KDC Phúc Đạt, Tổ 5, khu phố Ông Đông, phường G, thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Ông Trịnh Xuân T, sinh năm 1983; thường trú: Xóm 13, xã Q, huyện X, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Nhà trọ L, khu phố 2, phường Hội Nghĩa, thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Trịnh Xuân T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Trịnh Xuân V, sinh ngày 10/10/2007 và Trịnh Xuân Sĩ Đ, sinh ngày 13/9/2011 cho bà Nguyễn Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trịnh Xuân T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị H và ông Trịnh Xuân T đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Ông T được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp ông T lạm dụng quyền đi lại thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì bà H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H tự nguyện nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0038184 ngày 26/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TU, tỉnh Bình Dương. Hoàn trả bà Nguyễn Thị H số tiền 150.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (02);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã TU (01);
- Chi cục THADS thị xã TU (01);
- UBND xã Xuân Tín, huyện X, tỉnh Thanh Hóa (01);
- Lưu: VT, HS (02).

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Lan Hương